

Bản án số: 149/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thúy Mỡ

Ông Hoàng Đức Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1986; ĐKKHKT: Thôn B (Liều Đề), xã N, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: Tổ dân H 1, phường T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Vũ Thị U, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố H 1, phường T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Ngô Văn Đ trình bày:

Anh Đ và chị U kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng năm 2013. Quá trình chung sống giữa vợ chồng, có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, về tính cách và lối sống không hoà hợp nên đã sống ly thân và không còn quan tâm, trách nhiệm đối với nhau. Nay, anh Đ cho rằng tình cảm vợ chồng không

còn, khả năng đoàn tụ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị U theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh Đ và chị U có 02 con chung là Ngô Gia H, sinh ngày 03-5-2012 và Ngô Q, sinh ngày 24-12-2016. Ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Ngô Gia H, sinh ngày 03-5-2012; chị U nuôi dưỡng con chung Ngô Q, sinh ngày 24-12-2016 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn chị Vũ Thị U trình bày:

Chị U và anh Đ kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng năm 2013. Quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như anh Đ trình bày là đúng. Nay anh Đ yêu cầu giải quyết ly hôn, chị U cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng không đồng ý ly hôn vì các con còn nhỏ cần có sự quan tâm, chăm sóc của cả bố và mẹ.

Về con chung: Chị U và anh Đ có 02 con chung là Ngô Gia H, sinh ngày 03-5-2012 và Ngô Q, sinh ngày 24-12-2016. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị U có nguyện vọng được nuôi con nhỏ Ngô Q, sinh ngày 24-12-2016; anh Đ nuôi con lớn Ngô Gia H, sinh ngày 03-5-2012 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12 -2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho anh Ngô Văn Đ được ly hôn chị Vũ Thị U. Về con chung: Giao con chung

Ngô Gia H, sinh ngày 03-5-2012 cho anh Ngô Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Ngô Q, sinh ngày 24-12-2016 cho chị Vũ Thị U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Anh Ngô Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với bị đơn. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại Tổ dân phố H 1, phường T, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Ngô Văn Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Vũ Thị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của bị đơn là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ các điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn Đ kết hôn với chị Vũ Thị U trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thủy Nguyên (Nay là phường T), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 08-10-2013. Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh Ngô Văn Đ và chị Vũ Thị U là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh Đ và chị U đều cho rằng, quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên có bất đồng về quan điểm, về tính cách và lối sống không hòa hợp nên giữa vợ chồng không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn trách nhiệm đối với nhau. Nay anh Đ yêu cầu giải quyết ly hôn, chị U không đồng ý ly hôn với lý do các con còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc của cả bố và mẹ. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, cả anh Đ và chị U đều không thiện chí và không có biện pháp gì cụ thể để khắc phục mâu thuẫn giữa

vợ và chồng. Qua đó đánh giá rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đ và chị U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh Đ yêu cầu ly hôn với chị U là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Anh Đ và chị U có 02 con chung là Ngô Gia H, sinh ngày 03-5-2012 và Ngô Q, sinh ngày 24-12-2016. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh Đ và chị U đều có nguyện vọng, anh Đ nuôi dưỡng con chung Ngô Gia H, sinh ngày 03-5-2012; chị U nuôi dưỡng con chung Ngô Q, sinh ngày 24-12-2016 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Toà án đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng: Anh Đ và chị U hiện nay đều làm nghề lao động tự do, có thu nhập và có chỗ ở ổn định để đảm bảo cuộc sống, có khả năng nuôi dưỡng con. Trong khi đó các cháu Ngô Gia H và Ngô Q hiện đang sống cùng chị U và có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, xét cần giao con Ngô Gia H cho anh Đ nuôi dưỡng; giao con Ngô Q cho chị U nuôi dưỡng là phù hợp điều kiện thực tế và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Hoàng Văn Đại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Ngô Văn Đ được ly hôn chị Vũ Thị U.
2. Về con chung: Giao con chung Ngô Gia H, sinh ngày 03-5-2012 cho anh Ngô Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Ngô Q, sinh ngày 24-12-2016 cho chị Vũ Thị U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi)

hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Anh Ngô Văn Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003242 ngày 08-10-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường T;
- (Giấy CNKH số 57, ngày 08-10-2013);
- Dương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Hữu Hường

